

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-----***-----

Số: 90/2001/QĐ-UB.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----***----- 20 K .

Bình Phước, ngày 24 tháng 11 năm 2001.

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

“ V/v: Giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch vốn
tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2001 ”.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) ngày 21/06/1994.

Căn cứ Công văn số: 190/HTPT/KHNV ngày 15/02/2001 của Quỹ hỗ trợ phát triển TW về việc: Giao kế hoạch tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2001 đợt 1.

Căn cứ Công văn số: 562/HTPT/KHNV ngày 12/04/2001 của Quỹ hỗ trợ phát triển TW về việc: Thông báo kế hoạch tín dụng đầu tư phát triển của Nhà Nước năm 2001 đợt 2.

Căn cứ Công văn số: 1411/HTPT/KHNV ngày 07/09/2001 của Quỹ hỗ trợ phát triển TW về việc: Thông báo bổ sung kế hoạch bảo lãnh tín dụng đầu tư năm 2001.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư tại Tờ trình số: 718/TT-KH ngày 16/11/2001.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2001 như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo).

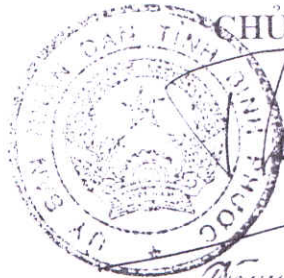
Điều 2: Căn cứ vào kế hoạch được giao, Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Các ông (bà) Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá, Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển Bình Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ./.

***Nơi nhận:**

- Chủ tịch, Phó CT.
- Như điều 3.
- LDVP, CV: KT, SX, TH.
- Lưu VT.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hùng

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN TÍN DỤNG ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC NĂM 2001

(Kèm theo Quyết định số: 90/2001/QĐ-UB ngày 11 tháng 11 năm 2001 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch đã giao	Kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ (I+II+III)		77.500	77.000	
I	CÁC DỰ ÁN VAY VỐN TÍN DỤNG		58.000	58.000	
a	Các Đơn vị trên địa bàn		29300	33000	
a1	Các dự án chuyển tiếp		8125	7500	
1	Trồng và phát triển vườn cây công nghiệp (Cà phê)	LT Đồng Xoài	800	500	
2	Trồng và phát triển vườn cây công nghiệp(Tiêu, cà phê)	LT Bù Gia Mập	180	0	
3	Trồng và phát triển vườn cây công nghiệp (Xoài, tiêu, cà phê, sầu riêng, chôm chôm)	LT ĐaK Ố	400	0	
4	Đầu tư dây chuyền khai thác và chế biến đá công nghiệp. đoạn I	Cty TNHH Chấn Anh	850	850	
5	Trồng, chăm sóc rừng và cây lâm, nông nghiệp	C.ty Cổ phần Hải Vương	800	1000	
6	Trồng và chăm sóc rừng tái sinh	C.ty Cổ phần Hải Vương	600	500	
7	Trồng và chăm sóc rừng tái sinh	C.ty Cổ phần Hải Vương	1200	1200	



1	2	4	5	6
8	Tái sinh rừng trồng chu kỳ II	Cty Cao su Sông Bé	105	105
9	Đầu tư dây chuyền sản xuất đũa tre và lâm nhang XK	DNTN chế biến lâm sản Hưng Phước	400	400
10	Đầu tư trồng cây nguyên liệu giấy	LT Bù đăng	300	100
11	Xưởng chế biến hạt điều	LT Bù đăng	845	845
12	ĐA Trồng, chăm sóc cây lâm nghiệp	Cty Giao thông thủy lợi Thới Kỷ	945	1300
13	ĐT mở rộng tăng cường năng lực SXKD	Cty TNHH Lâm Phước	700	700
a.2	Dự án mới		21175	25500
14	Trồng và chăm sóc vườn cây lâu năm	Cty TNHH Thiên Hà	400	600
15	Dự án đầu tư phát triển vườn cây công nghiệp	XNTDXD Lâm Kiến An	700	775
16	Dự án đầu tư phát triển vườn cây công nghiệp & dịch vụ nông nghiệp	LT Đồng Xoài	1700	2300
17	Dự án đầu tư thiết bị tăng năng lực SX giấy	XNTD Bột giấy Phước Long	1000	1000
18	Dự án sinh hóa đàn bò	DN TN Lê Hoàng Tùng	1630	2270
19	Trồng cây nguyên liệu giấy	Công ty TNHH Quảng Đức	815	1000
20	Trồng cây nguyên liệu giấy	Cty Cổ phần Hải Vương	1500	2010
21	Tái sinh rừng bạch đàn chu kỳ II	Cty Cổ phần Hải Vương	2500	2800



1	2	3	4	5	6
22	Trồng và phát triển vườn cây công-nông nghiệp	Cty TNHH Anh Đào	150	300	
23	Trồng và phát triển vườn cây công-nông-lâm nghiệp & cây ăn quả	Cty TNHH Phương Bình	350	350	
24	SX các loại ván sàn đặc chế cao cấp	Cty TNHH Hoàn Cầu	1000	1200	
25	Đầu tư chăn nuôi bò thịt và bò giống Lai Sind	Cty TNHH Nông-Lâm sản An Lạc	2000	2600	
26	Dây chuyền khai thác và chế biến đá xây dựng	DNTN Thanh Dung	500	500	
27	Đầu tư mở rộng nhà máy chế biến mủ Cao su	Cty cao su Sông Bé	1500	1700	
28	Trồng cây công ,lâm nghiệp	Cty TNHH Vĩnh Hưng	240	235	
29	Trồng cây nguyên liệu công nghiệp	DNTN Phục Hưng	190	160	
30	DA Phát triển cây công nghiệp	Các Lâm trường	4500	0	
31	DA chăn nuôi bò	Cty TNHH Thành Công	500	1500	
32	Phát triển vườn cây công nghiệp & chăn nuôi gia súc lớn	Cty TMXNK&DL	0	2000	
33	Dự án trồng cây lâm nghiệp và cây ăn trái	Cty TNHH Hoàng Kim	0	500	
34	Dự án nuôi bò lai sind kết hợp trồng cây nguyên liệu	Cty TNHH Khánh Giang	0	700	
35	Trồng cây nguyên liệu	Cty TNHH Hương liệu Mỹ Linh	0	500	
36	Xưởng gia công tấm lợp	XNTD Ngọc Thành	0	500	
b	Ngân sách vay đầu tư CSHT		28700	25000	



1		2	4	5	6
I	KH lần I		3700	0	
2	KH bổ sung	NS	25000	25000	
II	HỖ TRỢ LÃI SUẤT SAU ĐẦU TƯ		500	0	
III	BẢO LÃNH TÍN DỤNG ĐẦU TƯ		19000	19000	
	Dự án nhà máy chế biến tinh bột sắn	Cty liên doanh tinh bột Bình Phước	19000	19000	
1	Bình Phước				